

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-PT

Ngày 09- 12- 2024

V/v tranh chấp về không công nhận quan hệ
vợ chồng, về nuôi con của nam, nữ chung
sống với nhau như vợ chồng mà không đăng
ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thủy

Bà Bùi Thị Thuý Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về không công nhận quan hệ vợ chồng, về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2024/QĐXXPT ngày 12 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Thanh T; nơi cư trú: Số E Cầu Đ, phường C, Quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị Thu T1; nơi ĐKKHKT: Số B T, phường K, Quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Số C Tái định cư T, phường V, Quận L, Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Đoàn Minh T2- Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Chị Bùi Thị Thu T1 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và trình bày tại Toà án cấp sơ thẩm của nguyên đơn có nội dung:

Anh Đặng Thanh T và chị Bùi Thị Thu T1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2021, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023, do tính cách, quan điểm sống không phù hợp. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2023 đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau. Vì vậy, anh T đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị T1 là vợ chồng.

Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Đặng Hồng N, sinh ngày 23/02/2023. Anh T đề nghị giao con chung cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, và có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con với số tiền 03 triệu đồng một tháng. Đồng thời anh yêu cầu được thăm nom, chăm sóc con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị Thu T1 trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung như lời trình bày của anh T. Chị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Tại bản tự khai và biên bản hoà giải, chị T1 yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 03 triệu đồng một tháng. Sau đó chị T1 thay đổi quan điểm, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 05 triệu đồng một tháng.

Về tài sản chung: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, chị T1 vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T1 phát biểu quan điểm: Thống nhất với quan điểm chị T1 đã trình bày. Quá trình giải quyết vụ án, nhiều lần anh T đến làm phiền chị T1 và gia đình, đỉnh điểm có lần xảy ra xô xát, anh T gây thương tích cho chị T1 và mẹ chị T1, Công an phường đã lập hồ sơ chuyển cho Công an Quận L, hiện đang trong quá trình giải quyết. Luật sư đã chuyển cho Toà án USB chứa một số hình ảnh anh T đến gây gổ tại nhà chị T1. Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, chị T1 đề nghị Toà án tuyên bố hạn chế quyền thăm gặp con của anh T.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đặng Thanh T và chị Bùi Thị Thu T1.

- Về con chung: Giao con chung Đặng Hồng N, sinh ngày 23/02/2023 cho chị Bùi Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 03 triệu đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2024 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2024, bị đơn chị Bùi Thị Thu T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Đặng Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Bùi Thị Thu T1 chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con của anh T. Chị T1 rút một phần kháng cáo liên quan đến các quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con và về án phí.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn trình bày lý do kháng cáo vì: Anh T khi đến thăm con thường trong tình trạng say rượu, nhiều lần gây rối, đình đấm có 01 lần gây thương tích cho chị T1 với tỷ lệ thương tích là 3%. Việc này làm ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của gia đình chị T1, ảnh hưởng tiêu cực đến tâm sinh lý, tư duy, đạo đức của con. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T1 đã thay mặt chị T1 yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm hạn chế quyền thăm nom con của anh T nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận và vẫn quyết định người không trực tiếp nuôi con (anh T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì vậy, chị T1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên bố hạn chế quyền thăm nom con của anh T, không cho anh T thăm và đón con.

Nguyên đơn anh Đặng Thanh T trình bày: Khi anh đến thăm con, anh luôn ở

tình trạng tinh táo, nhưng anh luôn bị chị T1 cản trở không cho gặp con. Trong thời gian Toà án cấp sơ thẩm giải quyết, hai bên đã thống nhất chị T1 nuôi con và cho anh đón con 1 tuần 1 lần vào chủ nhật hàng tuần. Tuy nhiên chị T1 chỉ cho anh đón con 1 lần duy nhất, sau đó thường xuyên gây khó khăn không cho anh gặp con. Anh bức xúc quá dẫn đến việc va chạm với chị T1. Từ đó đến nay chị T1 luôn cản trở không cho anh thăm, gặp con. Anh luôn yêu thương con, chưa bao giờ có hành vi nào ngược đãi con. Vì vậy, anh không đồng ý với kháng cáo của chị T1, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, quyết định chị T1 và gia đình chị T1 không được cản trở quyền thăm nom con của anh theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký; các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đúng quy định. Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ chứng cứ, quyết định của bản án sơ thẩm đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ Điều 289 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với phần kháng cáo mà bị đơn rút tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn về việc yêu cầu hạn chế nguyên đơn thăm nom con, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Toà án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình đúng quy định tại khoản 7, 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; đã xác định đúng và đầy đủ đương sự tham gia tố tụng. Kháng cáo của bị đơn hợp lệ, đủ điều kiện xem xét phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn rút một phần kháng cáo. Xét việc rút một phần kháng cáo của bị đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bị đơn về quan hệ hôn nhân của anh T và chị T1, về người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Hồng N, sinh ngày 23/02/2023 của anh T và chị T1, về án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, do anh T và chị T1 không thống nhất được việc thăm gặp con nên đã xảy ra xô xát. Công an phường V đã tiếp nhận đơn trình báo của chị T1 và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đề thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền. Tại phiên tòa, anh T và chị T1 đều xác nhận anh T đã bị Công an Quận L xử phạt hành chính về hành vi này. Anh T cam

kết sẽ không tái phạm. Xét việc xảy ra xô xát là do lỗi của cả hai bên. Anh T không có hành vi nào gây tổn hại đến con. Bản thân anh T luôn bị chị T1 cản trở, không cho gặp con nên không có việc anh T lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị T1 hạn chế quyền thăm nom con của anh T là có căn cứ theo Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7, 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 148, điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của chị Bùi Thị Thu T1 về quan hệ hôn nhân của anh Đặng Thanh T và chị Bùi Thị Thu T1, về người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Hồng N, sinh ngày 23/02/2023 của anh T và chị T1, về án phí dân sự sơ thẩm.

2. Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thị Thu T1; giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2024/HNGĐ-ST ngày 30/7/2024 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 41/2024/TB-TA ngày 30/7/2024 kèm theo) về quy định quyền thăm nom con sau khi ly hôn:

Người trực tiếp nuôi con (chị Bùi Thị Thu T1) cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con (anh Đặng Thanh T) trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con (anh Đặng Thanh T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị T1 phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số **0003430**

ngày 25/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND Quận Lê Chân;
- Chi cục THADS Quận Lê Chân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Thủy